

Bản án số: 129/ 2018/ HS-ST
Ngày 30 - 10 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Gia.
2. Bà Dương Thị Hồng.

Thư ký phiên tòa: Ông Sái Đức Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa:

Ông Man Anh Hùng - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 128/ 2018/ TLST-HS, ngày 20 tháng 9 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và Tên: NGUYỄN VĂN U, sinh năm: 1966.

Nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 3/10; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn P và bà: Nguyễn Thị S (đều đã chết); vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1970 và có 02 con (con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1998); Gia đình có 10 anh em bị cáo là con thứ 04.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến ngày 06 tháng 7 năm 2018, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

2. Họ và Tên: SÁI VĂN K, sinh năm: 1980.

Nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Sái Văn T, sinh năm 1942 và bà: Nông Thị T, sinh năm 1943; vợ: Hà Thị L, sinh năm 1983 và có 02 con (con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2014); Gia đình có 07 anh em bị cáo là con thứ 07.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

3. Họ và Tên: NGUYỄN PHI N, sinh năm: 1979.

Nơi cư trú: Xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Phi T, sinh năm 1954 và bà: Tạ Thị C, sinh năm 1955; vợ: Liễu Thị H, sinh năm 1981 và có 02 con (con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2009); Gia đình có 05 anh em bị cáo là con thứ 02.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến ngày 06 tháng 7 năm 2018, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

4. Họ và Tên: NÔNG VĂN T, sinh năm: 1984.

Nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nông Văn N, sinh năm 1952 và bà: Trần Thị H, sinh năm 1956; vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1985 và có 02 con (con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2012); Gia đình có 04 anh em bị cáo là con thứ 03.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến ngày 06 tháng 7 năm 2018, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

5. Họ và Tên: SÁI VĂN V, sinh năm: 1971.

Nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Sái Văn V và bà: Nguyễn Thị K (đều đã chết); vợ: Nông Thị T, sinh năm 1971 và có 02 con (con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 2011); Gia đình có 06 anh em bị cáo là con thứ 04.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến ngày 06 tháng 7 năm 2018, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

6. Họ và Tên: VI VĂN T1, sinh năm: 1972.

Nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 7/10; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vi Văn T, sinh năm 1950 và bà: Mã Thị N (đã chết); vợ: Phạm Thị C, sinh năm 1980 và có 02 con (con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2009); Gia đình có 06 anh em bị cáo là con thứ 01.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến ngày 06 tháng 7 năm 2018, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

7. Họ và Tên: NGUYỄN VĂN P, sinh năm: 1974.

Nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm 1952 và bà: Lê Thị N, sinh năm 1952; vợ: Hoàng Thị S, sinh năm 1980 và có 02 con (con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2001); Gia đình có 04 anh em bị cáo là con thứ 01.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến ngày 06 tháng 7 năm 2018, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

8. Họ và Tên: NÔNG VĂN A, sinh năm: 1963.

Nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 1/10; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nông Văn T và bà: Lý Thị P (đều đã chết); vợ: Lương Thị X, sinh năm 1960 và có 02 con (con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1991); Gia đình có 09 anh em bị cáo là con thứ 01.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Ninh Văn P, sinh năm: 1973.

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Vắng mặt)

Ông Nguyễn Phi T, sinh năm: 1954.

Nơi cư trú: Xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

Người làm chứng:

Chị Hà Thị L, sinh năm: 1983.

Nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1960.

Nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 30 phút ngày 30 tháng 06 năm 2018, Tổ công tác Công an huyện P đang làm nhiệm vụ thì nhận được tin báo của quần chúng nhân dân ở tại khu vực đồi cây thuộc Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên đang có một số đối tượng đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền. Tổ công tác Công an huyện P triển khai lực lượng đến địa điểm theo nguồn tin báo để kiểm tra thì phát hiện tại vị trí đồi cây keo có 01 nhóm đối tượng khoảng gần 10 người đang ngồi đánh bạc dưới hình thức đánh sóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền Việt Nam đồng. Khi thấy Tổ công tác đến các đối tượng đang đánh bạc bỏ chạy, Tổ công tác kịp thời bắt giữ được 06 đối tượng gồm: Nguyễn Văn U, sinh năm 1966; Nguyễn Văn P, sinh năm 1974; Nông Văn T, sinh năm 1984; Vi Văn T1, sinh năm 1972; Sái Văn V, sinh năm 1971 (Đều trú tại Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên) và Nguyễn Phi N, sinh năm 1979, trú tại xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Vật chứng thu tại chiếu bạc gồm số tiền 5.390.000 đồng (Năm triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng), trong đó có 04 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; 07 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng; 17 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng; 05 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng; 02 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; 04 quân vị bằng tre được bôi đen một mặt, kích thước 1cm x 2cm; 01 bát con bằng sứ; 01 đĩa con bằng sứ. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng theo quy định đưa các đối tượng trên về trụ sở Công an để điều tra làm rõ.

Hồi 15 giờ 00 phút ngày 28/7/2018, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã tiến hành kiểm tra nội dung bên trong các chiếc điện thoại tạm giữ của các bị can nhưng không phát hiện thấy có nội dung gì liên quan đến vụ án.

Tại cơ quan điều tra các đối tượng bị bắt đều khai nhận: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 30/06/2018, sau khi ăn cỗ mừng đầy tháng cháu ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960, trú tại: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên xong mọi người cùng rủ nhau lên đồi cây nhà ông H để tham gia đánh bạc dưới hình thức sóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền Việt Nam đồng, khi lên K là người mang theo bát, đĩa, U là người làm quân vị để cùng P; T; T1; V; N; và A cùng ngồi tham gia đánh bạc. Lúc đến đánh bạc P khai mang 110.000 đồng; V khai mang theo 800.000 đồng; T khai mang theo 150.000 đồng; T1 khai mang theo 4.000.000 đồng; N khai mang theo 400.000 đồng; U khai mang theo 700.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc N có vay của V 500.000 đồng; P vay của T1 3.000.000 đồng của U 1.000.000 đồng, K vay của U 600.000 đồng; T1 vay của V 1.000.000 đồng để đánh bạc; A vay của P 1.000.000 đồng (đã sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc), khi chơi các đối tượng ngồi quay mặt vào nhau thành vòng tròn để đánh bạc, K là người xóc cái sau đó đến U. Đánh được khoảng 20 phút thì K có vợ gọi, A bị thua hết tiền lên đã đi về trước. Những người còn lại tiếp tục ngồi đánh bạc đến khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện P ập đến bắt quả tang thu giữ cùng vật chứng như đã nêu trên.

Về cách thức đánh bạc được quy định như sau: Người xóc cái cho bốn quân vị đặt vào đĩa rồi úp bát lên, dùng hai tay giữ bát và đĩa xóc đi xóc lại các quân vị ở bên trong sau đó đặt đĩa xuống nền đất. Lúc này những người tham gia đánh bạc bắt đầu bỏ tiền xuống trước mặt để đặt cửa, số lượng đặt tiền tùy ý. Quy định bên tay trái của người xóc cái là cửa lẻ, bên tay phải tính là cửa chẵn, khi mở bát nếu quân vị trên đĩa thể hiện là lẻ khi bốn quân vị có một quân mặt đen, ba quân mặt trắng hoặc một quân mặt trắng ba quân mặt đen. Nếu là về chẵn khi bốn quân vị có hai quân mặt trắng, hai quân mặt đen hoặc bốn quân mặt trắng hoặc bốn quân mặt đen. Sau khi những người đánh bạc tham ra đặt tiền xong thì người xóc cái mở bát nếu quân vị thể hiện là lẻ thì những người đặt tiền ở cửa lẻ thắng và được nhận thêm số tiền bằng số tiền đã đặt cược, những người đặt bên chẵn sẽ bị thua và mất số tiền đặt cược. Ngược lại nếu quân vị thể hiện là chẵn thì những người đặt tiền bên chẵn thắng và được tiền, người đặt tiền bên lẻ thua và bị mất tiền, trong khi đánh bạc thì có K và A về trước, các đối tượng còn lại tiếp tục ngồi sát phạt nhau thì bị Công an bắt giữ như đã nêu trên.

Triệu tập Sái Văn K, sinh năm 1980 và Nông Văn A sinh năm 1963 đều trú tại Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên đến trụ sở Công an để tiến hành ghi lời khai. Tại cơ quan điều tra K và A đều khai nhận phù hợp với lời khai của Nguyễn Văn U; Nguyễn Văn P; Nông Văn T; Vi Văn T1; Sái Văn V và Nguyễn Phi N là những người cùng tham gia đánh bạc đã khai tại cơ quan điều tra. K khai khi đến đánh bạc mang theo 20.000 đồng đánh bị thua nên có vay của U 600.000 đồng để tiếp tục đánh bạc khi đang đánh bạc thì có vợ gọi lên đi về trước, lúc đó K đang có 900.000 đồng lấy trả cho U 600.000 đồng còn 300.000 đồng K mang về nhà cho đến khi có Công an triệu tập đến làm việc K đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra. A khai khi đến đánh bạc không đem theo tiền nên lúc đầu ngồi ngoài xem sau đó vay của P 1.000.000 đồng để đánh bạc, đã đánh thua 500.000 đồng nên đi về trước.

Lời khai nhận tội của các bị can: Nguyễn Văn U; Nguyễn Văn P; Nông Văn T; Vi Văn T1; Sái Văn V; Nguyễn Phi N; Sái Văn K và Nông Văn A là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác mà cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, vật chứng thu giữ, lời khai người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Tại bản Cáo trạng số 127/CT-VKSPB ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình đã truy tố các bị cáo: Nguyễn Văn U; Nguyễn Văn P; Nông Văn T; Vi Văn T1; Sái Văn V; Nguyễn Phi N; Sái Văn K và Nông Văn A về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo: Nguyễn Văn U; Nguyễn Văn P; Nông Văn T; Vi Văn T1; Sái Văn V; Nguyễn Phi N; Sái Văn K và Nông Văn A vẫn giữ nguyên lời khai như đã khai tại cơ quan điều tra.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã kết luận: giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị với Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Văn U; Nguyễn Văn P; Nông Văn T; Vi Văn T1; Sái Văn V; Nguyễn Phi N; Sái Văn K và Nông Văn A phạm tội “Đánh bạc”.

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn U từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Bị cáo Nguyễn Văn P từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Bị cáo Nông Văn T từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Bị cáo Vi Văn T1 từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Bị cáo Sái Văn V từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Bị cáo Nguyễn Phi N từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Bị cáo Sái Văn K từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Bị cáo Nông Văn A từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự phạt bổ sung các bị cáo Nguyễn Văn U; Nguyễn Văn P; Sái Văn V và Nông Văn A, mỗi bị cáo nộp từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo Nông Văn T; Vi Văn T1; Nguyễn Phi N; Sái Văn K, vì các bị cáo T1, N, K là hộ nghèo và cận nghèo, và bị cáo T là người mắc bệnh hiểm nghèo, hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Đề nghị xử lý các vật chứng đã thu giữ theo Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 5.690.000 đồng do các bị cáo dùng vào việc phạm tội;

Tịch thu tiêu hủy những vật chứng là công cụ phạm tội, không có giá trị gồm: 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 04 quân vị bằng tre một mặt bôi đen;

Tạm giữ tài sản để đảm bảo việc thi hành án đối với các bị cáo sau: 01 điện thoại di động hiệu Sam sung Galaxy Not 5 màu bạc của Sái Văn V; 01 điện thoại di động hiệu Sam sung Galaxy J2 màu hồng của Nguyễn Văn U; 01 điện thoại hiệu Masstel A275 màu xanh đen của Nông Văn T; 01 điện thoại hiệu Masstel A160 màu xanh đen của Nguyễn Phi N; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37 màu trắng bạc của Nguyễn Văn P; 01 điện thoại di động hiệu Vivo 1606 màu trắng bạc của Vi Văn T1.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Kết thúc phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên - Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và lời khai đó có căn cứ chấp nhận vì đã đúng như nội dung cáo trạng truy tố, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với chính lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang và lời khai của những người tham gia tố tụng khác.

Như vậy có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 30/06/2018, tại đồi cây của gia đình ông Nguyễn Văn H thuộc Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên: Nguyễn Văn U; Nguyễn Văn P; Nông Văn T; Vi Văn T1; Sái Văn V; Nguyễn Phi N; Sái Văn K và Nông Văn A đã cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền Việt Nam đồng. Trong quá trình đánh bạc K do có vợ gọi, A bị hết tiền nên đã đi về trước, những người còn lại tiếp tục ngồi sát phạt nhau thì bị Tổ công tác Công an huyện P phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 5.390.000 đồng và số tiền 300.000 đồng do bị can K tự giác giao nộp. Tổng số tiền các bị can dùng vào mục đích đánh bạc là 5.690.000 đồng (Năm triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) cùng nhiều vật chứng khác có liên quan.

Với hành vi trên các bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm, Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo Nguyễn Văn U; Nguyễn Văn P; Nông Văn T; Vi Văn T1; Sái Văn V; Nguyễn Phi N; Sái Văn K và Nông Văn A đều phạm vào tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Nội dung Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. ...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp là tội phạm ít nghiêm trọng, các bị cáo nhận thức rõ về tác động của tội phạm do mình gây ra là xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh, đồng thời là nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm hình sự khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra các bị cáo có đơn xin cải tạo tại địa phương, được chính quyền địa phương xác nhận bảo lãnh do đó các bị cáo đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo đều là người thực hiện tội phạm với vai trò là đồng phạm giản đơn, Tuy nhiên bị cáo U và K là người trực tiếp xóc cái và cùng tham gia đánh bạc. Do vậy khi lượng hình Hội đồng xét xử xem x

Hội đồng xét xử thấy, các bị cáo đều là những người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ; phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, Hội đồng xét xử có thể áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo đều được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát và giáo dục là cũng đủ tác dụng cải tạo các bị cáo, đồng thời nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật nhà nước ta và Hội đồng xét xử cần tuyên rõ hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử cần phạt bổ sung các bị cáo Nguyễn Văn U; Nguyễn Văn P; Sái Văn V và Nông Văn A từ 10.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

Đối với các bị cáo Nông Văn T; Vi Văn T1; Nguyễn Phi N; Sái Văn K, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo T1, N, K thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo, và bị cáo T là người mắc bệnh hiểm nghèo, hoàn cảnh gia đình khó khăn, do đó không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 xử lý vật chứng như sau:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 5.690.000 đồng do các bị cáo do hành vi phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 04 quân vị bằng tre một mặt bôi đen do các bị cáo làm phương tiện phạm tội không có giá trị sử dụng.

Tạm giữ tài sản để đảm bảo việc thi hành án đối với các bị cáo như sau: 01 điện thoại di động hiệu Sam sung Galaxy Not 5 màu bạc của Sái Văn V; 01 điện thoại di động hiệu Sam sung Galaxy J2 màu hồng của Nguyễn Văn U; 01 điện thoại hiệu Masstel A275 màu xanh đen của Nông Văn T; 01 điện thoại hiệu Masstel A160 màu xanh đen của Nguyễn Phi N; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37 màu trắng bạc của Nguyễn Văn P; 01 điện thoại di động hiệu Vivo 1606 màu trắng bạc của Vi Văn T1.

[6] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với các bị cáo như về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, biện pháp cải tạo về cơ bản là phù hợp với quy định của Pháp luật cần chấp nhận.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 và Điều 47 của Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn U; Nguyễn Văn P; Sái Văn V và Nông Văn A.

- Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 và Điều 47 của Bộ luật hình sự đối với Nông Văn T; Vi Văn T1; Nguyễn Phi N; Sái Văn K.

- Điều 106; khoản 2 Điều 136 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự và quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn U; Nguyễn Văn P; Nông Văn T; Vi Văn T1; Sái Văn V; Nguyễn Phi N; Sái Văn K và Nông Văn A đều phạm tội “Đánh bạc”.

2. Hình phạt chính: Xử phạt

Nguyễn Văn U **12** (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **24** (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 30 tháng 10 năm 2018).

Nguyễn Văn P **09** (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **18** (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 30 tháng 10 năm 2018).

Nông Văn T **09** (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **18** (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 30 tháng 10 năm 2018).

Vi Văn T1 **09** (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **18** (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 30 tháng 10 năm 2018).

Sái Văn V **09** (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **18** (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 30 tháng 10 năm 2018).

Nguyễn Phi N **09** (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **18** (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 30 tháng 10 năm 2018).

Sái Văn K **12** (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **24** (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 30 tháng 10 năm 2018).

Nông Văn A **09** (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **18** (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 30 tháng 10 năm 2018).

Giao các bị cáo Nguyễn Văn U; Nguyễn Văn P; Nông Văn T; Vi Văn T1; Sái Văn V; Nguyễn Phi N; Sái Văn K và Nông Văn A cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ **02** lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Hình phạt bổ sung (phạt tiền):

Phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Văn U; Nguyễn Văn P; Sái Văn V và Nông Văn A, mỗi bị cáo phải nộp 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nông Văn T; Vi Văn T1; Nguyễn Phi N; Sái Văn K.

4. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước khoản tiền 5.690.000đ (Năm triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) bát sứ; 01 (Một) đĩa sứ; 04 (Bốn) quân vị bằng tre một mặt bôi đen.

- Tạm giữ tài sản để đảm bảo việc thi hành án đối với các bị cáo như sau: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy Not 5 màu bạc số imel: 75655, máy cũ đã qua sử dụng của Sái Văn V; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy J2 PRIMC màu hồng có số imel: 43584 máy cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Văn U; 01 (Một) điện thoại hiệu Masstel A275 màu xanh đen số imel: 52719 máy cũ đã qua sử dụng của Nông Văn T; 01 (Một) điện thoại hiệu Masstel A160 màu xanh đen có số imel: 45256 máy cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Phi N; 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO A37 màu trắng bạc có số imel: 75179 máy cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Văn P; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Vivo 1606 màu trắng bạc có số imel: 75810 máy cũ đã qua sử dụng của Vi Văn T1.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/10/2018 và ủy nhiệm chỉ số 204 lập ngày 04/10/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an huyện Phú Bình và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Văn U; Nguyễn Văn P; Nông Văn T; Vi Văn T1; Sái Văn V; Nguyễn Phi N; Sái Văn K và Nông Văn A mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai có mặt các bị cáo (Nguyễn Văn U; Nguyễn Văn P; Nông Văn T; Vi Văn T1; Sái Văn V; Nguyễn Phi N; Sái Văn K và Nông Văn A) và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Ông Nguyễn Phi T), báo cho những người này biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Ninh Văn P), báo cho anh Phú biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện Phú Bình;
- Cơ quan điều tra CA huyện Phú Bình;
- CQTHAHS Công an huyện Phú Bình;
- CC T.H.A DS huyện Phú Bình;
- Bị cáo; Người QLNVLQ;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ích Yên